

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Nhân và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đ1 diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu S mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H - sinh năm 1998.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hữu Đ - sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Chị H, vắng mặt: Anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2022, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Lê Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 11 tháng 02 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, mẹ chồng thường xuyên chửi bới chị. Anh Đ không có lập trường, nghe lời mẹ đẻ không dàn xếp mâu thuẫn gia đình mà còn đuổi chị ra khỏi nhà. Ngoài ra, anh Đ đi làm không đưa tiền cho chị nuôi con, một mình chị phải gánh vác gia đình, nuôi con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống được với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Chị

mang con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hữu Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Hữu Đ1 sinh ngày 27/10/2020. Hiện tại cháu đang sinh sống cùng với mẹ và ông bà ngoại. Cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, không bị đánh đập bạo hành. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1, không yêu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân cho công ty may SAKURAI, địa chỉ trụ sở: Phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, mức thu nhập bình quân là 7.000.000đ/ tháng. Chị hoàn toàn có đủ khả năng nuôi con. Bố mẹ chị đang còn khỏe, giúp đỡ chăm sóc cháu trong thời gian chị đi làm. Chị có đủ kiện về kinh tế để nuôi con nên chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 17/3/2023, bị đơn là anh Lê Hữu Đ trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 02 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 9 tháng, đến khoảng tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở rồi lại quay lại đoàn tụ. Từ tháng 10/2021, chị H mang con về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ở cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh Đ vẫn đến thăm mẹ con chị H và khuyên bảo chị H về nhà nhưng chị H vẫn không về. Anh mong muốn vợ đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Hữu Đ1 sinh ngày 27/10/2020. Cháu đang sinh sống cùng với chị H và ông bà ngoại. Anh thấy cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, không bị đánh đập bạo hành. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao cháu Hữu Đ1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Về phần cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 22/3/2023, Đ1 diện chính quyền UBND xã Đ, huyện Triệu S cung cấp: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Đ kết hôn năm 2020 tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra to tiếng với nhau. Chị H mang con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Phúc Âm 2, xã Đ sinh sống. Anh Đ vẫn ở chung với bố mẹ tại thôn Phúc Âm 2, xã Đ.

Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Hữu Đ1 sinh ngày 27/10/2020. Hiện tại cháu đang sinh sống cùng với chị H và ông bà ngoại. Cháu khỏe mạnh được đi học và không bị đánh đập bạo hành. Chị H làm công nhân, địa phương không nắm được mức thu nhập. Chị H có sức khỏe có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Bản thân chị H không vi phạm pháp luật. Anh Đ làm nghề tự do, mức thu nhập địa phương không nắm được. Anh Đ có sức khỏe có khả năng lao động tạo ra thu nhập, có điều kiện nuôi con. Anh Đ không có vi phạm pháp luật. UBND xã Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đ1 diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ. Về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1 sinh ngày 27/10/2020. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh Đ cư trú tại xã Đ, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu S theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 11 tháng 02 năm 2020 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn nòng cốt với bố mẹ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm, hay to tiếng với nhau. Vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hữu Đ1 sinh ngày 27/10/2020.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị H: Chị H có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Anh Đ cũng đồng ý

giao con cho chị H nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Đ1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc của người mẹ. HĐXX công nhận thỏa thuận của đương sự về con chung, giao cháu Đ1 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, trường hợp chị H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Hữu Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Đ1 sinh ngày 27/10/2020 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016826 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu S. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu S;
- Chi cục THA. Triệu S;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

